

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - GIA LAI**

Bản án số: 14/2026/DSST

Ngày 09-07-2026

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thy Thy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Châu;

Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Biển - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 7 năm 2026, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2025/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 35/2026/QĐST - DS ngày 19 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1987; số CCCD: 040087019950; địa chỉ: Thôn B, xã I, tỉnh Gia Lai. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1982; số CCCD 024182013551; địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Gia Lai. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, các lời khai có tại hồ sơ, nguyên đơn là ông Nguyễn Đình T trình bày: Ông là chủ cửa hàng thức ăn chăn nuôi. Trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi từ ngày 15/4/2017. Số nợ ngày càng tăng quá nhiều so với dự tính trước đó nên ông Nguyễn Đình T đại lý thức ăn chăn nuôi và bà Nguyễn Thị Thu H chăn nuôi chốt sổ ngày 10/8/2018. Sau khi chốt sổ bà T1 không đứng ra ký nợ mà nhờ em gái ruột là Nguyễn Thị T2 đứng ra đảm bảo và ký xác nhận nợ số tiền là: 832.000.000 đồng (T3 trăm ba mươi hai triệu đồng) hứa mỗi tháng sẽ trả 50.000.000 đồng. Nhưng bà T1 không thực hiện những gì đã hứa. Từ đó đến nay sau nhiều lần trả nợ đối chiếu, số nợ bà T1 còn lại là: 618.000.000 đồng (Sáu trăm

mười tám triệu đồng chẵn). Tuy nhiên vào ngày 16/12/2025 tôi có nhận số tiền 20.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị T1 trả nợ số tiền trên. Nên hôm nay tôi yêu cầu bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho tôi số tiền 598.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ông Nguyễn Đình T đã nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình gồm: 05 (năm) tờ giấy ô ly ghi chép bằng tay, chữ viết trên giấy được viết bằng mực màu xanh, có chữ ký của anh Nguyễn Đình T ở từng trang và được đánh số thứ tự từ trang 01 đến trang 10 tại góc dưới bên trái của mỗi trang; tại mặt trước trang số 01 có dòng chữ “Chị Thu Đak Đ”, trang số 10 có chữ ký và ghi rõ họ tên “Nguyễn Đình T”.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Bà thừa nhận có nợ tiền của ông Nguyễn Đình T và sau nhiều lần trả nợ, đối chiếu bà còn nợ tiền như ông T trình bày. Bà thừa nhận các tài liệu chứng cứ do ông Nguyễn Đình T yêu cầu khởi kiện với số tiền được chốt tại sổ 24/10/2024 với số tiền là 618.000.000 đồng. Sau đó đến ngày 16/12/2025 bà có trả cho ông T số tiền 20.000.000 đồng, hiện bà chỉ còn nợ lại ông T số tiền là 598.000.000 đồng. Bà xin ông T trả nợ là 40.000.000 đồng/1 năm.

2. Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Gia Lai có ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.
- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:
- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.
- Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Đình T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu cư T4 tại thôn T, xã M, tỉnh Gia Lai phải thanh toán số tiền 618.000.000 đồng còn nợ phát sinh từ việc mua bán thức ăn chăn nuôi. Hội đồng xét xử xác định đây là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Gia Lai quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, có căn cứ xác định trong quá trình mua bán thức ăn chăn nuôi từ năm 2017, bà Nguyễn Thị T1 nhiều lần mua hàng của ông Nguyễn Đình T nhưng chưa thanh toán đầy đủ tiền mua hàng. Do số tiền nợ phát sinh lớn, ngày 10/8/2018 các bên đã tiến hành đối chiếu, chốt công nợ, xác định bà Nguyễn Thị T1 còn nợ ông Nguyễn Đình T số tiền 832.000.000 đồng. Việc bà Nguyễn Thị T2 ký xác nhận nợ chỉ là căn cứ xác nhận nghĩa vụ thanh toán khoản nợ đã phát sinh từ quan hệ mua bán hàng hóa, không làm thay đổi bản chất quan hệ pháp luật giữa các bên. Sau khi chốt công nợ, bà Nguyễn Thị T1 đã nhiều lần thanh toán cho ông Nguyễn Đình T, đến ngày 24/10/2024 các bên tiếp tục đối chiếu xác định bà T1 còn nợ số tiền 618.000.000 đồng. Ngày 16/12/2025, bà Nguyễn Thị T1 tiếp tục thanh toán cho ông Nguyễn Đình T số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, số tiền còn nợ thực tế là 598.000.000 đồng.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận còn nợ ông Nguyễn Đình T số tiền 598.000.000 đồng. Sự thừa nhận này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc mua bán thức ăn chăn nuôi giữa ông Nguyễn Đình T và bà Nguyễn Thị T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên theo quy định của Bộ luật Dân sự. Sau khi nhận hàng hóa, bà Nguyễn Thị T1 có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua hàng cho ông Nguyễn Đình T. Tuy nhiên, bà T1 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán, vi phạm nghĩa vụ của bên mua theo quy định tại Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T buộc bà Nguyễn Thị Thu thanh T5 số tiền còn nợ 598.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp các Điều 274, 275, 280 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[4] Đối với đề nghị của bà Nguyễn Thị T1 xin được trả dần khoản nợ với mức 40.000.000 đồng/năm, Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí đơn phương của bị đơn, không được sự đồng thuận của nguyên đơn nên không chấp nhận.

[5] Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 72; Điều 92; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 280; Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình T.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 phải trả cho ông Nguyễn Đình T số tiền 598.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T1 phải chịu 27.920.000đ (*Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Đình T số tiền 14.360.000đ (*Mười bốn triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng*) đã tạm nộp án phí trước đây theo biên lai số 0007063 ngày 25/12/2025 tại Thi hành án Dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/07/2026), nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 10 - Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Thy Thy